

Số: 33/QĐCK-THDX

Gia Lâm, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách
Quý IV năm 2025 của Trường TH Dương Xá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH DƯƠNG XÁ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND xã Gia Lâm về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào Quy định công khai tài chính của trường TH Dương Xá;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường TH Dương Xá.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2025 của Trường TH Dương Xá.

(theo biểu số 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường TH Dương Xá thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Phòng KT;
- Lưu: VT.



Đỗ Thị Kim Huế

Đơn vị: Trường TH Dương Xá

Chương: 022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia lâm, ngày 13 tháng 01 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2025(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường TH Dương Xá công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2025	Ước thực hiện/Dự toán Quý 4/2025 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4/2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	16.981.319.000	8.347.084.712	49,15	118,50
I	Số thu phí, lệ phí	2.653.569.000	2.877.491.497	108,44	182,80
1	Lệ phí				
	Học phí				
	Lệ phí...				
2	Các khoản khác	2.653.569.000	2.877.491.497	108,44	182,80
	Học KNS, STEM, CSBT, CSVCBT, T.giữ CB	2.653.569.000	2.877.491.497	108,44	182,80
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.653.569.000	0	102,66	283,93
1	Chi sự nghiệp giáo dục TH	2.653.569.000		102,66	283,93
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.653.569.000	2.724.027.992	102,66	283,93
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.327.750.000	5.469.593.215	38,17	183,57
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.327.750.000	5.469.593.215	38,17	183,57

1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.425.000.000	5.469.593.215	37,92	183,57
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.148.000.000	1.904.608.979	23,38	64,01
	Chi thanh toán cá nhân	7.123.398.000	1.620.607.804	22,75	67,15
	Phúc lợi tập thể, chè nước CBCC	25.050.000	17.400.000	69,46	27,80
	Thanh toán dịch vụ công cộng	244.400.000	44.397.158	18,17	85,43
	Vật tư văn phòng	95.700.000	4.850.000	5,07	35,74
	Thông tin liên lạc	37.280.000	9.479.867	25,43	157,67
	Hội nghị	10.500.000	0	-	0,00
	Thanh toán công tác phí	31.500.000	4.200.000	13,33	91,11
	Chi phí thuê mướn	255.597.000	72.835.200	28,50	49,88
	Sửa chữa TX TSCĐ	108.500.000	49.233.204	45,38	99,89
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	146.075.000	18.507.200	12,67	28,30
	Chi mua sắm TSCĐ	40.000.000	0	-	0,00
	Chi khác	30.000.000	0	-	#DIV/0!
	Thu nhập tăng thêm	-	63.098.546	-	0,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.277.000.000	3.564.984.236	56,79	2407,96
*	Nguồn không thường xuyên	2.617.000.000	2.494.648.080	95,32	0,00
	Tiền thưởng	557.000.000	557.000.000	-	0,00
	Vật tư văn phòng	200.000.000	199.828.080	-	0,00
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.853.000.000	1.737.820.000	-	0,00
	Hỗ trợ chi phí học tập	7.000.000	0	-	0,00
*	Cải cách tiền lương, tiền thưởng không tự chủ	3.660.000.000	1.070.336.156	-	0,00
	Thanh toán cá nhân	3.660.000.000	1.070.336.156	29,24	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				0,00
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 13 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Kim Huế